

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN TUỆ LAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN TUỆ LAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUE LAM AGRICULTURE PRODUCTS BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109653303

**3. Ngày thành lập:** 31/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, BT11 VT10, khu nhà ở Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982250970

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây điều	0123
2.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
3.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
4.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
5.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
6.	Chăn nuôi gia cầm	0146
7.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	0149
8.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
10.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
11.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
12.	Khai thác gỗ (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	0220
13.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

14.	Khai thác và thu gom than cứng (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0510
15.	Khai thác và thu gom than non (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
16.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica... (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0899
17.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
18.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
19.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Sản xuất nước ép không cô đặc từ các loại rau và quả, không lên men và không chứa cồn. - Sản xuất nước ép hỗn hợp từ rau và quả. - Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu,... - Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả); - Rang các loại hạt; - Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt. - Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng; - Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi; - Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông. - Chế biến và sản xuất hạt điều xuất khẩu	1030
20.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
21.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
22.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	1080
23.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	2011

24.	<p>Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gập lại được;</li> <li>- Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: Đồ dẹt: Đĩa nông lòng..., đồ nấu như: Nồi, ấm..., đồ ăn như: Bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại;</li> <li>- Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự.</li> <li>- Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc;</li> <li>- Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...</li> <li>- Sản xuất túi đựng nữ trang;</li> <li>- Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp;</li> <li>- Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được;</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít;</li> <li>- Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;</li> <li>- Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;</li> <li>- Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;</li> <li>- Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải...</li> <li>- Sản xuất đinh hoặc ghim;</li> <li>- Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm đinh vít;</li> <li>- Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;</li> <li>- Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo;</li> <li>- Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản xuất chân vịt tàu và cánh,</li> <li>+ Mỏ neo,</li> <li>+ Chuông,</li> <li>+ Dụng cụ gài, uôn;</li> </ul> </li> <li>- Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại;</li> <li>- Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại;</li> <li>- Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.</li> </ul>	2599
25.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
26.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
27.	Xây dựng công trình thủy	4291
28.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
29.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

30.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
34.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
36.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
38.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
39.	Bán buôn thực phẩm	4632
40.	Bán buôn đồ uống	4633
41.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4634

42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
43.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha. (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4661
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4669
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh. (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4773

49.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ phân bón	4789
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
52.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
53.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ - Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường thủy nội địa. (Điều 3 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics).	5022
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	5210
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

56.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> <li>- Dịch vụ khai thác khu bay (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> <li>- Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> <li>- Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> <li>- Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> <li>- Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> <li>- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> <li>- Dịch vụ kỹ thuật hàng không (Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP Quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng);</li> </ul> <p>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</p>	5223
57.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan). (Điều 3 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics).</li> <li>- Dịch vụ vận tải đa phương thức. (Điều 3 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics).</li> </ul>	5229
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
60.	<p>Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm</p> <p>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (Điều 86 Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi bổ sung 2010)</p> <p>(Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật)</p>	6622
61.	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)</p>	6810

62.	Đại lý du lịch	7911
63.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa (Điều 31 Luật Du lịch 2017) Kinh doanh lữ hành quốc tế (Điều 31 Luật Du lịch 2017)	7912
64.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ ĐÌNH HÙNG	Thôn 4, Xã Diên Kỳ, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	187224010	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000		



2	LƯU THỊ HOÀNG YÊN	P412 Tòa A2, tổ 3, TT Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	001181000709
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000	
			3	VŨ THỊ BÍCH ĐÀO	Nhà số 4, ngõ 6/153/7 Tổ dân phố số 2 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000				
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000				
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000				
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000				
Tổng số	3.500.000	35.000.000.000	70,000				

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ BÍCH ĐÀO**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/09/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *036188009117*

Ngày cấp: *10/03/2020*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Nhà số 4, ngõ 6/153/7 Tổ dân phố số 2 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Nhà số 4, ngõ 6/153/7 Tổ dân phố số 2 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội